

# Inspiron 14

## 3000 Series

## Quick Start Guide

Panduan Pengaktifan Cepat  
Guía de inicio rápido  
Hướng dẫn khởi động nhanh  
دليل البدء السريع



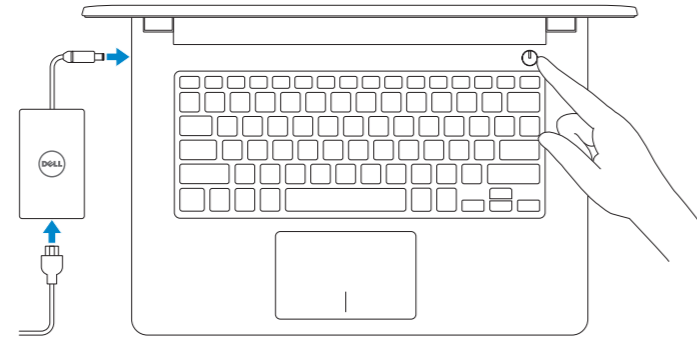
## 1 Connect the power adapter and press the power button

Hubungkan adaptor daya dan tekan tombol daya

Conecte el adaptador de energía y presione el botón de encendido

Kết nối với bộ chuyển đổi nguồn điện và nhấn nút nguồn

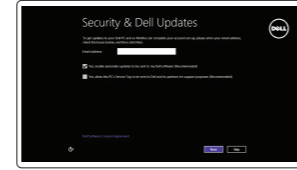
توصيل مهايئ التيار والضغط على زر التشغيل



## 2 Finish Windows setup

Tuntaskan penataan Windows | Finalice la configuración de Windows

Hoàn tất cài đặt Windows | Windows إنهاء إعداد



### Enable security and updates

Aktifkan keamanan dan pembaruan

Activar seguridad y actualizaciones

Bật tính năng bảo mật và cập nhật

قم بتمكين الأمان والتحديثات



### Connect to your network

Sambungkan ke jaringan Anda

Conectar a su red

Kết nối vào mạng của bạn

الاتصال بالشبكة

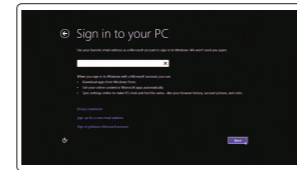
**NOTE:** If you are connecting to a secured wireless network, enter the password for the wireless network access when prompted.

**CATAN:** Jika Anda menghubungkan ke jaringan nirkabel aman, masukkan kata sandi untuk akses jaringan nirkabel tersebut saat diminta.

**NOTA:** Si se está conectando a una red inalámbrica segura, introduzca la contraseña para el acceso a la red inalámbrica cuando se le solicite.

**GHI CHÚ:** Nếu bạn đang kết nối với một mạng không dây bảo mật, hãy nhập mật khẩu để truy cập mạng không dây khi được nhắc.

**ملاحظة:** عند الاتصال بشبكة لاسلكية آمنة، أدخل كلمة المرور للدخول للشبكة اللاسلكية عندما يطلب ذلك.



### Sign in to your Microsoft account or create a local account

Masuk ke akun Microsoft Anda atau buat akun lokal

Iniciar sesión en su cuenta de Microsoft o crear una cuenta local

Đăng nhập vào tài khoản Microsoft của bạn và tạo tài khoản trên máy tính

قمب تسجيل الدخول إلى حساب Microsoft أو قم بإنشاء حساب محلي

## Locate your Dell apps

Cari lokasi aplikasi Dell Anda

Localice sus aplicaciones Dell

Xác định vị trí các ứng dụng Dell của bạn

تحديد مكان تطبيقات جهاز Dell الخاص بك



### Register your computer

Daftarkan komputer Anda | Registrar su equipo

Đăng ký máy tính của bạn | قم بتسجيل الكمبيوتر



### Dell Backup and Recovery

Pencadangan dan Pemulihan Dell | Respaldo y Recuperación de Dell

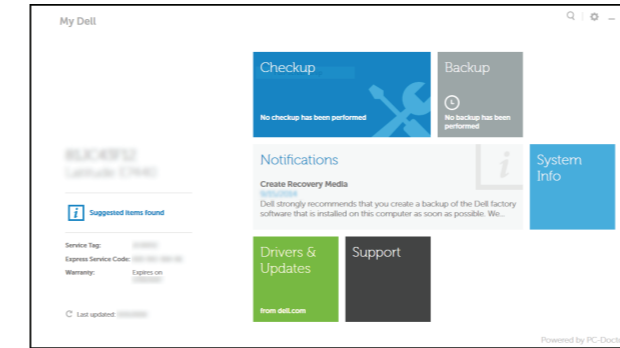
Sao lưu và Phục hồi Dell | Dell Backup and Recovery



### My Dell

Dell Saya | Mi Dell

Dell của tôi | جهاز Dell الخاص بي



## Learn how to use Windows

Pelajari cara menggunakan Windows | Cómo usar Windows

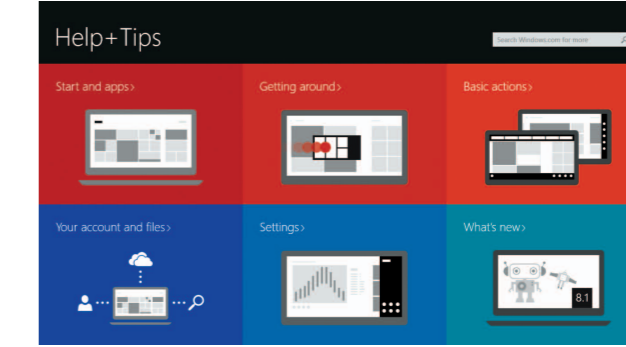
Tìm hiểu cách sử dụng Windows | Windows تعرف على كيفية استخدام



### Help and Tips

Bantuan dan Tips | Ayuda y consejos

Trợ giúp và Mẹo | تعليمات وتلميحات



### Product support and manuals

Manual dan dukungan produk  
Manuales y soporte técnico de productos  
Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn  
دعم المنتج والدلائل الخاصة به

dell.com/support  
dell.com/support/manuals  
dell.com/windows8

### Contact Dell

Hubungi Dell | Póngase en contacto con Dell  
Liên hệ Dell | Dell الاتصال بـ

dell.com/contactdell

### Regulatory and safety

Regulasi dan keselamatan | Normativa y seguridad  
Quy định và an toàn | ممارسات الأمان والممارسات التنظيمية

dell.com/regulatory\_compliance

### Regulatory model

Model Regulatori | Modelo normativo  
Model quy định | النموذج التنظيمي

P60G

### Regulatory type

Jenis regulatori | Tipo normativo  
Loại quy định | النوع التنظيمي

P60G001

P60G002

### Computer model

Model komputer | Modelo de equipo  
Model máy tính | نموذج الكمبيوتر

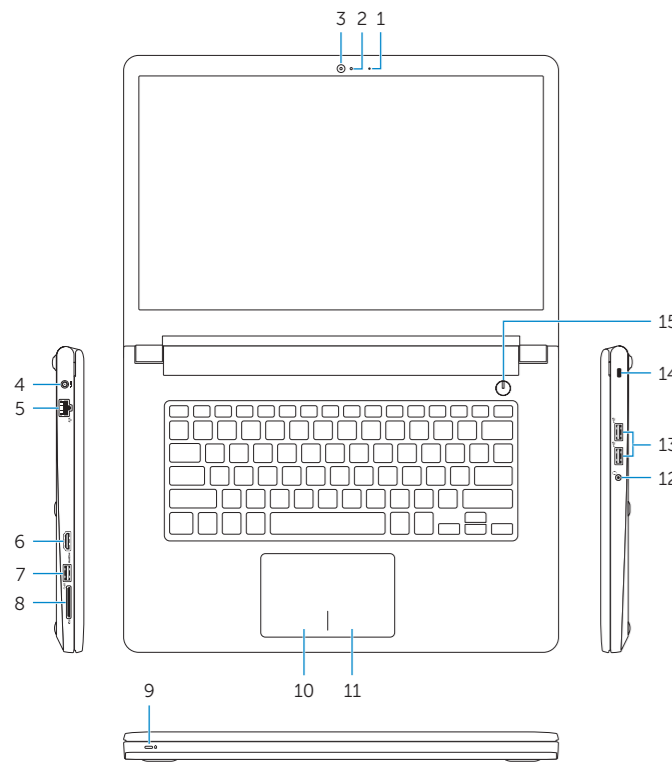
Inspiron 14-3451

Inspiron 14-3458

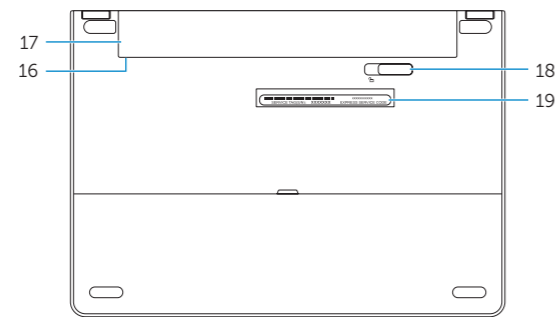


# Features

Fitur | Funciones | Tính năng | الميزات



- |   |                                       |
|---|---------------------------------------|
| 1. Microphone   | 10. Left-click area                   |
| 2. Camera-status light  | 11. Right-click area                  |
| 3. Camera   | 12. Headset port                      |
| 4. Power-adaptor port   | 13. USB 2.0 ports (2)                 |
| 5. Network port (Inspiron 3458 only)                            | 14. Security-cable slot               |
| 6. HDMI port  | 15. Power button                      |
| 7. USB 3.0 port   | 16. Regulatory label (in battery bay) |
| 8. Media-card reader  | 17. Battery                           |
| 9. Power and battery-status light/<br>hard-drive activity light | 18. Battery-release latch             |
|   | 19. Service Tag label                 |



- |  |  |
|--|--|
| 1. Mikrofon  | 10. Area klik kiri                       |
| 2. Lampu status kamera   | 11. Area klik kanan                      |
| 3. Kamera  | 12. Port headset                         |
| 4. Port adaptor daya   | 13. Port USB 2.0 (2)                     |
| 5. Port jaringan (Inspiron 3458 saja)                          | 14. Slot kabel pengaman                  |
| 6. Port HDMI   | 15. Tombol daya                          |
| 7. Port USB 3.0  | 16. Label regulatori (dalam bay baterai) |
| 8. Pembaca kartu media   | 17. Baterai                              |
| 9. Lampu status daya dan baterai/<br>lampu aktivitas hard disk | 18. Kait pelepas baterai                 |
|  | 19. Label Tag Servis                     |

- |   |  |
|---|--|
| 1. Micrófono  | 10. Área de clic izquierdo                                 |
| 2. Indicador luminoso de estado de la cámara  | 11. Área de clic derecho                                   |
| 3. Cámara   | 12. Puerto de audífonos                                    |
| 4. Puerto de adaptador de alimentación  | 13. Puertos USB 2.0 (2)                                    |
| 5. Puerto de red (solo Inspiron 3458)   | 14. Ranura del cable de seguridad                          |
| 6. Puerto HDMI  | 15. Botón de encendido                                     |
| 7. Puerto USB 3.0   | 16. Etiqueta normativa (en el compartimento de la batería) |
| 8. Lector de tarjetas multimedia  | 17. Batería  |
| 9. Indicador luminoso de estado de la batería y de alimentación/Indicador luminoso de actividad de la unidad del disco duro | 18. Pasador de liberación de la batería                    |
|   | 19. Etiqueta de servicio                                   |

- |   |                                    |
|---|------------------------------------|
| 1. Micrô  | 10. Vùng nhấp trái                 |
| 2. Đèn trạng thái camera                                | 11. Vùng nhấp phải                 |
| 3. Camera   | 12. Cổng tai nghe                  |
| 4. Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện                        | 13. Cổng USB 2.0 (2)               |
| 5. Cổng mạng (chỉ có ở Inspiron 3458)                   | 14. Khe cáp bảo vệ                 |
| 6. Cổng HDMI  | 15. Nút nguồn                      |
| 7. Cổng USB 3.0   | 16. Nhãn quy định (trong khay pin) |
| 8. Khe đọc thẻ nhớ                                      | 17. Pin                            |
| 9. Đèn tình trạng nguồn và pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng | 18. Chốt nhả pin                   |
|   | 19. Nhãn Thẻ bảo trì               |

- |  |                                       |
|--|---------------------------------------|
| 1. الميكروفون  | 10. منطقة النقر الأيسر                |
| 2. مصباح حالة الكاميرا                                     | 11. منطقة النقر الأيمن                |
| 3. الكاميرا  | 12. منفذ سماعة الرأس                  |
| 4. منفذ مهايئ التيار                                       | 13. منفذ USB 2.0 (2)                  |
| 5. منفذ الشبكة (Inspiron 3458 فقط)                         | 14. فتحة كبل الأمان                   |
| 6. منفذ HDMI   | 15. زر التيار                         |
| 7. منفذ USB 3.0  | 16. الملصق التنظيمي (في حيز البطارية) |
| 8. قارئ بطاقات الوسائط                                     | 17. قفل تحرير البطارية                |
| 9. ضوء حالة البطارية والطاقة/ضوء نشاط محرك الأقراص الثابتة | 18. ملصق رمز الخدمة                   |
| 10. منطقة النقر الأيسر                                     |                                       |
| 11. منطقة النقر الأيمن                                     |                                       |
| 12. منفذ سماعة الرأس                                       |                                       |

# Shortcut keys

Tombol pintasan | Teclas de acceso directo

Phím tắt | مفاتيح الاختصار

- |            |   |
|------------|---|
| <b>F1</b>  | <b>Mute audio</b><br>Mematikan audio   Silenciar el audio<br>Tắt âm   كتم الصوت   |
| <b>F2</b>  | <b>Decrease volume</b><br>Menurunkan volume   Bajar el volumen<br>Giảm âm lượng   خفض مستوى الصوت   |
| <b>F3</b>  | <b>Increase volume</b><br>Meningkatkan volume   Subir el volumen<br>Tăng âm lượng   رفع مستوى الصوت   |
| <b>F4</b>  | <b>Play previous track/chapter</b><br>Memutar trek/bab sebelumnya   Reproducir pista o capítulo anterior<br>Phát bản nhạc/chương trước đó   تشغيل المسار/الفصل السابق               |
| <b>F5</b>  | <b>Play/Pause</b><br>Memutar/Menjeda   Reproducir/Pausar<br>Phát/Tạm dừng   تشغيل/إيقاف مؤقت  |
| <b>F6</b>  | <b>Play next track/chapter</b><br>Memutar trek/bab selanjutnya   Reproducir pista o capítulo siguiente<br>Phát bản nhạc/chương kế tiếp   تشغيل المسار/الفصل التالي                  |
| <b>F8</b>  | <b>Switch to external display</b><br>Mengalihkan ke display eksternal   Cambiar a la pantalla externa<br>«Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài   التبديل إلى الشاشة الخارجية |
| <b>F9</b>  | <b>Open Search charm</b><br>Membuka tombol Pencarian   Abrir acceso buscar<br>Mở nút Tìm kiếm   افتح اختصار البحث   |
| <b>F11</b> | <b>Decrease brightness</b><br>Menurunkan kecerahan   Disminuir brillo<br>Giảm độ sáng   تخفيض مستوى السطوع  |
| <b>F12</b> | <b>Increase brightness</b><br>Meningkatkan kecerahan   Aumentar brillo<br>Tăng độ sáng   رفع مستوى السطوع   |

- |                           |   |
|---------------------------|---|
| <b>Fn</b> + <b>Esc</b>    | <b>Toggle Fn-key lock</b><br>Mengalihkan kunci tombol Fn   Alternar bloqueo de la tecla Fn<br>Bật tắt khóa phím Fn   Fn تديل قفل مفتاح  |
| <b>Fn</b> + <b>PrtScr</b> | <b>Turn off/on wireless</b><br>Mengaktifkan/menonaktifkan nirkabel<br>Activar/desactivar la función inalámbrica<br>Tắt/mở mạng không dây<br>تشغيل/إيقاف تشغيل الاتصال اللاسلكي  |
| <b>Fn</b> + <b>Insert</b> | <b>Sleep</b><br>Tidur   Suspensión<br>Chế độ ngủ   السكون   |
| <b>Fn</b> + <b>H</b>      | <b>Toggle between power and battery-status light/hard-drive activity light</b><br>Mengalihkan antara lampu status baterai dan daya/lampu aktivitas hard disk<br>Alternar entre el indicador luminoso de estado de la batería y de alimentación/indicador luminode actividad del disco duro<br>Bật tắt giữa đèn nguồn và đèn tình trạng pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng<br>التبديل بين مصباح التشغيل وحالة البطارية/مصباح نشاط محرك الأقراص الثابتة |
- NOTE:** For more information, see [Specifications at dell.com/support](https://www.dell.com/support).  
**CATATAN:** Untuk informasi selengkapnya, lihat [Spesifikasi di dell.com/support](https://www.dell.com/support).  
**NOTA:** Para más información, consultar [Especificaciones en dell.com/support](https://www.dell.com/support).  
**GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy xem [Thông số kỹ thuật tại dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- ملاحظة:** لمزيد من المعلومات، انظر [المواصفات على العنوان dell.com/support](https://www.dell.com/support).